

tuyến: 40km, điểm đầu tại Km30+500 ĐT641 nối điểm cuối ĐT647, điểm cuối tuyến giáp biên giới huyện Kongchro của tỉnh Gia Lai.

- Tuyến Sông Cầu - Đá Giăng - Bình Thạnh: tuyến được xây dựng để phục vụ phát triển kinh tế vùng núi phía Tây Sông Cầu đồng thời phục vụ mở rộng thị trấn Sông Cầu lên thị xã vào giai đoạn 2010-2020. Toàn tuyến dài 18km.

- Tuyến Hòa Kiến - Kênh N1 - huyện Phú Hòa: đây là tuyến nối phía Tây thành phố Tuy Hòa với huyện Phú Hòa, cũng là tuyến vành đai của thành phố. Tuyến đường này cần được sớm xây dựng để phát triển kinh tế, văn hoá, giao lưu của vùng này. Chiều dài tuyến dài 20km.

- Cầu Hòa Định: cầu vượt Sông Ba tại vị trí xã Hòa Định Đông tại Km13 của tuyến quốc lộ 25 (huyện Phú Hòa) nối với Phú Thứ tại Km10 của tuyến ĐT645 (huyện Tây Hòa).

- Xây dựng các nút giao cắt lập thể, cầu vượt: trong giai đoạn từ 2010 đến 2020 đầu tư xây dựng các cầu vượt đầu mối vào trung tâm thành phố Tuy Hòa và các điểm giao cắt khác.

b) Dự án chuyên tiếp (phân quy hoạch đã được duyệt)

- Trục giao thông phía Tây tỉnh: đầu tư hoàn thành phần đường toàn tuyến nối Bình Định - Phú Yên và ĐăkLăk. Tổng chiều dài trên địa bàn Phú Yên: 115km.

- Tuyến giao thông động lực (trên trục giao thông phía Đông của tỉnh):

+ Cầu Hùng Vương.

+ Đường Nam cầu Hùng Vương đi cầu Đà Nông.

+ Đường Phước Tân - Bãi Ngà.

+ Đường nối quốc lộ 1A tại Phú Khê - ĐT645B.

- Đường Ba Bản-Phú Hiệp: tuyến nối quốc lộ 1A với ĐT645B (tuyến động lực), ga đường sắt Phú Hiệp, ga hàng hóa chính của tỉnh, dự kiến là đầu mối đường sắt lên Tây Nguyên, nối với các Khu công nghiệp tập trung Hòa Hiệp. Chiều dài tuyến 5,4km.

- Đường Phú Khê - Phước Tân: tuyến nối ĐT645B vào quốc lộ 1A, phục vụ cho các Khu công nghiệp Hòa Hiệp và khai thác vùng phía Nam sông Bàn Thạch, phục vụ dân sinh vùng này và công nghiệp lọc hóa dầu tại Vũng Rô. Chiều dài tuyến 9km.

- Đường nối ngã ba Ba Bản - Phú Hiệp - ĐT645B: các tuyến tỉnh lộ (không nằm trong trục giao thông phía Tây tỉnh):

+ Giai đoạn đến năm 2010: đầu tư từng phần các tuyến ĐT641, ĐT642, ĐT643, ĐT644, ĐT646, ĐT645 (mở rộng đoạn qua thị trấn Hai Riêng) ĐT647, ĐT648, ĐT650. Giải quyết cơ bản nền đường, hệ thống thoát nước và giải quyết mặt đường ưu tiên những đoạn qua dân cư và đèo dốc trước.

Phấn đấu đến năm 2010 giải quyết từ (75÷80)% mặt đường bê tông nhựa, vĩnh cửu và vượt lũ công trình thoát nước ngang.

+ Đến giai đoạn 2020: đầu tư hoàn chỉnh theo đúng cấp đường quy hoạch.

c) Đường huyện, thành phố, giao thông nông thôn

- Đường huyện:

+ Đến năm 2010:

* Hoàn chỉnh hệ thống mạng lưới đường huyện.

* Đầu tư nhựa hóa (30÷50)% tổng số đường huyện, ngoại ô thành phố.

* Vĩnh cửu hóa 70% hệ thống công trình thoát nước.

+ Đến năm 2020:

Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường huyện, nhựa hoá 100% mặt đường, vĩnh cửu hoá toàn bộ các công trình trên tuyến.

- Đường giao thông nông thôn: mỗi năm một xã làm 1km đường nhựa hoặc bê tông xi măng.

- Đường đô thị, thị trấn:

+ Đến năm 2010, nhựa hóa toàn bộ các tuyến đường trong nội thị, nhất là thành phố Tuy Hòa, các thị trấn thị tứ, chú trọng xây dựng các tuyến đường giao thông cho các huyện mới chia tách.

+ Đến năm 2020, hoàn chỉnh và nâng cấp mạng đường giao thông nội đô, các tuyến vành đai, xây dựng một số nút giao lập thể, cầu vượt.

3.2. Kết cấu hạ tầng giao thông khác

a) Cảng biển

- Cảng tổng hợp Bãi Chính -Vũng Rô: giữ nguyên quy mô đầu tư như quy hoạch đã được duyệt tại Quyết định số 3766/QĐ-UB ngày 29 tháng 12 năm 2003 của UBND tỉnh Phú Yên chỉ điều chỉnh mặt bằng giá đầu tư.

- Cảng vận tải tại Bãi Lách (cảng hiện có):

+ Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh theo quy mô đã được phê duyệt cho tàu có trọng tải 3.000 DWT.

+ Đầu tư xây dựng thêm một cầu cảng mới dài 220m, nối vào cầu cảng hiện có tạo thành chữ T để tiếp nhận tàu 10.000DWT để nâng công suất lên 2.000.000 tấn/năm vào năm 2020.

- Cảng chuyên dụng Bãi Góc, xã Hòa Tâm có thể tiếp nhận tàu đến 250.000DWT phục vụ cho Khu công nghiệp hoá dầu Hòa Tâm đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép bổ sung vào Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam.

- Cảng biển Bắc Sông Cầu phục vụ cho Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu cho phép tiếp nhận tàu 50.000DWT, hiện nay đang lập thủ tục chuẩn bị đầu tư.

b) Hệ thống bến xe

Theo quy hoạch dự kiến, đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh sẽ xây dựng 27 bến xe, 4 bãi đỗ xe, 1 trạm dừng xe và 24 điểm dừng xe đón trả khách.

c) Khu dịch vụ tổng hợp giao thông vận tải

Trong khu này dự kiến sẽ đầu tư xây dựng để thành lập khu sát hạch lái xe tập trung, kiểm định phương tiện vận tải, khu sửa chữa, bảo dưỡng, khu ăn nghỉ cho xe đường dài, khu đỗ xe.

3.3. Phát triển vận tải

a) Về vận tải đường bộ

- Chú trọng nâng cao chất lượng phương tiện vận tải, đáp ứng yêu cầu quy định của Bộ Giao thông vận tải khi tham gia vận tải công cộng, thanh lý dần các phương tiện không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

- Phát triển luồng tuyến và địa bàn vận chuyển, chú trọng các tuyến phục vụ miền núi, vùng sâu, vùng xa, các vùng có quy hoạch xây dựng các dự án quan trọng đối với nền kinh tế của tỉnh.

- Phát triển loại hình vận tải bằng xe buýt tại thành phố Tuy Hòa và các trung tâm đô thị khác kể từ năm 2010.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống bến xe, điểm đỗ, trạm dừng, điểm dừng hợp lý theo quy hoạch.

b) Vận tải bằng đường biển

- Xây dựng cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế tham gia phát triển đội tàu vận tải biển. Phấn đấu đến năm 2020 có đội tàu vận tải biển với tổng trọng tải từ 15.000-20.000DWT.

- Khai thác tốt cảng Bãi Lách, giai đoạn đến năm 2010, lượng hàng thông qua cảng đạt 500.000T. Đến năm 2020, cảng Bãi Lách và cảng vận tải tổng hợp tại Bãi

Chính công suất đạt (2.000.000÷2.500.000) tấn hàng thông qua cảng (chưa tính cảng chuyên dùng tại Bãi Gốc của Nhà đầu tư SPC đã được Chính phủ đưa vào hệ thống cảng biển Việt Nam, cảng chuyên dùng của Nhà máy lọc dầu và cảng biển Bắc Sông Cầu).

c) Vận tải bằng đường sắt

Kiến nghị Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường sắt Việt Nam, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam:

- Xây dựng, cải tạo nâng cấp đường, hệ thống thông tin tín hiệu, nhà ga, trong đó có ga chính Tuy Hòa và ga hàng hóa chính tại Phú Hiệp để nâng năng lực khai thác đường sắt qua tỉnh.

- Đẩy nhanh việc quy hoạch và đầu tư xây dựng tuyến đường sắt lên Tây Nguyên.

- Xây dựng đường sắt cao tốc qua Phú Yên.

d) Vận tải bằng đường hàng không

Đến năm 2010, kiến nghị Chính phủ, Tổng Công ty Hàng không Dân dụng Việt Nam đầu tư nâng cấp sân bay Tuy Hòa thành sân bay dân dụng có thể tiếp nhận máy bay có sức chở lớn để phục vụ cho phát triển kinh tế, du lịch khu vực Nam Phú Yên, Bắc Khánh Hòa và vùng Tây Nguyên, khách đi máy bay giá rẻ đối với các nước trong khu vực và thế giới, nâng quy mô của sân bay Tuy Hòa lên thành sân bay quốc tế khi có đủ điều kiện.

4. Khối lượng đầu tư, kinh phí

4.1. Phân bổ sung quy hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Dự án	Khối lượng	Kinh phí
	TỔNG SỐ		1.748.000
I.	Phần đường giao thông		1.728.000
1.	Tuyến Gò Mâm - Đông Mỹ - KCN Hòa Hiệp 1 - ĐT645B	13 km	70.000
	- Gò Mâm - Đông Mỹ	8,4 km	24.000
	- Đông Mỹ - KCN Hòa Hiệp 1 - ĐT645B	4,6 km	46.000
2.	Tuyến Hòa Xuân - Sơn Thành	37 km	185.000
3.	Tuyến nối TP Tuy Hòa - Tuy An - Sơn Hòa	50 km	150.000
4.	Tuyến TP Tuy Hòa - gành Đá Đĩa - Sông Cầu (có 40km trùng quốc lộ 1A, 1D)	106 km	610.000
	- Đường, công trình vừa, nhỏ	66 km	530.000
	- Cầu An Hải	180 m	30.000
	- Cầu Tiên Châu	300 m	50.000

5.	Tuyến Bình Kiến, TP Tuy Hòa - An Thọ	13 km	39.000
6.	Tuyến nối ĐT641, ĐT647 - Gia Lai	40 km	280.000
7.	Tuyến Sông Cầu - Đá Giăng - Bình Thạnh	18 km	54.000
8.	Tuyến Hòa Kiến - Kênh N1 - Phú Hòa	20 km	60.000
9.	Cầu Hòa Định (nối Hòa Định - Phú Thứ)	400m	80.000
10.	Các cầu vượt và nút giao lập thể	2 cầu vượt, 3-5 nút giao	200.000
II.	Khu dịch vụ tổng hợp giao thông vận tải	30 ha	20.000

4.2. Cập nhật, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch đã duyệt

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Dự án	Khối lượng	Kinh phí
	TỔNG SỐ		4.694.000
I.	Đường giao thông		3.699.000
1.	Đường tỉnh		2.099.000
1.1.	- Trục giao thông phía Tây tỉnh	118 km	550.000
	- Đường và cầu công nhỏ	117 km	440.000
	- Cầu La Hai	400 m	70.000
	- Cầu Sông Ba	400 m	40.000
1.2.	Tuyến động lực	38 km	840.000
	- Cầu Hùng Vương + đường dẫn	2,030 km	340.000
	- Nam cầu Hùng Vương - KCN Hòa Hiệp 1	8,05 km	170.000
	- KCN Hòa Hiệp 1 - cầu Đà Nông	7 km	150.000
	- Cầu Đà Nông (2 giai đoạn)	3,9 km	59.000
	- Đường Phước Tân - Bãi Ngà	13 km	106.000
	- Bãi Ngà - quốc lộ 1A	3,7 km	15.000
1.3.	Tuyến Ba Bản - Phú Hiệp - ĐT645B	5,4 km	36.000
1.4.	Tuyến Phú Khê - Phước Tân	9 km	50.000
1.5.	Các tuyến tỉnh lộ (phần không nằm trong trục giao thông phía Tây)		623.000
2.	Đường huyện, thành phố	726 km	900.000
3.	Đường giao thông nông thôn	1.042 km	700.000
II.	Hệ thống bến xe, trạm dừng	27 bến, 4 bãi đỗ, 1 trạm dừng, 24 điểm dừng	60.000
III.	Cảng biển		715.000
1.	Nâng cấp cảng Bãi Lách cho tàu từ 3.000 DWT lên 10.000 DWT		300.000
2.	Cảng vận tải tổng hợp Bãi Chính		415.000
3.	Cảng chuyên dụng Bãi Gốc	Đang lập thủ tục chuẩn bị	

		đầu tư	
4.	Cảng biển Bắc Sông Cầu (cảng chuyên dụng)	Đang lập thủ tục chuẩn bị đầu tư	
IV.	Phát triển đội tàu		220.000

**TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐẦU TƯ
CHO GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH PHÚ YÊN
GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2020**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Dự án	Kinh phí
	TỔNG SỐ	6.442.000
I.	Phần đường giao thông	5.427.000
1.	Đường tỉnh	3.827.000
2.	Đường thành phố, huyện	900.000
3.	Đường giao thông nông thôn	700.000
II.	Hệ thống bến xe, trạm dừng	60.000
III.	Cảng biển	715.000
IV.	Phát triển đội tàu	220.000
V.	Khu dịch vụ tổng hợp giao thông vận tải	20.000

5. Phân kỳ đầu tư

Tổng vốn đầu tư giai đoạn từ 2000-2010 và 2020: 6.442 tỷ đồng.

Trong đó:

- Giai đoạn từ 2000-2005: 652 tỷ đồng. Bình quân: 130,4 tỷ đồng/năm.
- Giai đoạn từ 2006-2010: 1.946 tỷ đồng. Bình quân: 389,2 tỷ đồng/năm.
- Giai đoạn từ 2010–2020: 3.844 tỷ đồng. Bình quân: 384,4 tỷ đồng/năm.

6. Nguồn vốn đầu tư

- *Vốn ngân sách:* đây là nguồn vốn đầu tư quan trọng. Tỉnh cần dành một tỷ lệ vốn đầu tư đúng mức để đầu tư mang tính kích thích các nguồn đầu tư khác, đầu tư chủ yếu đường huyện, thành phố, hỗ trợ giao thông nông thôn. Những dự án không thể sử dụng các nguồn đầu tư khác mới tính đến việc sử dụng ngân sách để đầu tư.

- *Vốn khai thác quỹ đất:* đây là nguồn đầu tư hết sức quan trọng và có nhiều tiềm năng nhằm để đầu tư các trục giao thông mang tính động lực thúc đẩy và kích thích tăng trưởng kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh.

- *Vốn Trái phiếu Chính phủ:* đây là nguồn đầu tư hết sức quan trọng của Chính phủ. Tỉnh cần tập trung xin Chính phủ cho sử dụng nguồn này càng nhiều càng tốt.

- *Vốn đầu tư nước ngoài*: nguồn vốn này bao gồm vốn viện trợ chính thức ODA (ADB, WB, JBIC), viện trợ có mục tiêu hoặc cho vay với lãi suất ưu đãi của các nước và các tổ chức tài chính quốc tế, vốn tư nhân nước ngoài, vốn tổ chức phi Chính phủ.

Đây là nguồn vốn quan trọng và rất có ý nghĩa đối với một tỉnh còn nhiều khó khăn như Phú Yên. Tỉnh cần tập trung để thu hút càng nhiều càng tốt nguồn vốn đầu tư hết sức quan trọng này.

- *Vốn của các nhà đầu tư, doanh nghiệp*: tạo cơ chế thích hợp và thuận lợi để các doanh nghiệp có đủ điều kiện trong tỉnh, trong nước, kể cả nước ngoài đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông theo hình thức BT, BOT,... Những doanh nghiệp đặc thù sử dụng đường giao thông cần có nghĩa vụ phải đóng góp để xây dựng đường giao thông.

- *Vốn huy động trong dân*: đây là nguồn vốn rất lớn còn nằm trong xã hội cần được huy động để xã hội hoá công tác làm đường giao thông.

- *Nguồn vốn từ các tổ chức phi Chính phủ*: đây là nguồn vốn không lớn lắm, chủ yếu dùng vào mục đích nhân đạo, vì vậy việc thu hút nguồn vốn này nên ưu tiên cho việc phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng cao, vùng dân tộc ít người, vùng căn cứ cách mạng cũ, cải tạo các công trình giao thông quy mô nhỏ, không yêu cầu kỹ thuật cao.

7. Cơ cấu nguồn vốn

Trên cơ sở dự báo tốc độ tăng trưởng chung của cả nước và tỉnh Phú Yên, định hướng phát triển giao thông vận tải của cả nước, khu vực và tỉnh đến năm 2010 và 2020, dự kiến khả năng huy động từ các nguồn để đầu tư cho giao thông. Qua thực tế đã thực hiện từ 2000-2005, dự kiến phân bổ cơ cấu nguồn vốn đầu tư phát triển cho giao thông vận tải tỉnh Phú Yên giai đoạn từ 2000-2010 và 2020 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Nguồn vốn	Vốn đầu tư	Chiếm tỷ lệ %
TỔNG SỐ	6.442	100
1. Vốn ngân sách	1.859	28,9
2. Vốn từ quỹ đất	1.030	15,99
3. Vốn Trái phiếu Chính phủ	1.080	16,76
4. Vốn ODA, JBIC	1.230	19,10
5. Vốn đóng góp của dân	390	6,05
6. Vốn của các doanh nghiệp và các ngành khác	853	13,20

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch, Sở Giao thông vận tải tiến hành việc cập nhật thường xuyên. Nếu có những bất cập phát sinh thì có đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Thương mại và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Chi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2363/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 13 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giải thể Ban chỉ đạo - điều hành các dự án lớn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Công văn số 2128-CV/BTCTU, ngày 04 tháng 12 năm 2007 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giải thể Ban chỉ đạo - điều hành các dự án lớn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Giao cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức việc giải thể Ban chỉ đạo - điều hành các dự án lớn tỉnh Phú Yên theo đúng quy định của nhà nước.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Chi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN SƠN HÒA Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 248/2007/NQ-HĐND

Sơn Hòa, ngày 22 tháng 11 năm 2007

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Đề án phân loại đơn vị hành chính huyện Sơn Hòa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 9 (Bất thường)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 15/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 05/2007/TT-BNV ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số 15/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện;

Căn cứ Chỉ thị số 25/2007/CT-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2007 của UBND tỉnh Phú Yên về việc triển khai thực hiện Nghị định số 15/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2007 và Đề án số 336/ĐA-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2007 của UBND huyện Sơn Hòa; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến của đại biểu HĐND huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện thống nhất thông qua Đề án số 336/ĐA-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2007 của UBND huyện Sơn Hòa về phân loại đơn vị hành chính huyện Sơn Hòa kèm theo Tờ trình số 116/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2007 của UBND huyện.

Đơn vị hành chính huyện Sơn Hòa đạt loại II (226 điểm).

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

- Ủy ban nhân dân huyện hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình UBND tỉnh xem xét, thẩm định việc phân loại đơn vị hành chính huyện Sơn Hòa.

- Thường trực HĐND huyện đôn đốc, kiểm tra UBND huyện trong việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp thứ 9 (bất thường) thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2007./.

CHỦ TỊCH

Sô Minh Nững

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 11/2007/NQ-HĐND

Sông Hinh, ngày 19 tháng 11 năm 2007

NGHỊ QUYẾT
Về phân loại đơn vị hành chính huyện Sông Hinh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 12 (Bất thường)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 15/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện;

Sau khi xem xét Tờ trình số 122/TTr-UB, ngày 29 tháng 10 năm 2007 của UBND huyện Sông Hinh “Về việc xin phê duyệt Đề án phân loại đơn vị hành chính huyện Sông Hinh”; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp thứ 12 (bất thường),

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân huyện tán thành “Đề án phân loại đơn vị hành chính huyện Sông Hinh” do Ủy ban nhân dân huyện Sông Hinh trình tại kỳ họp.

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao

Ủy ban nhân dân huyện hoàn chỉnh các thủ tục, trình cấp có thẩm quyền quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp huyện theo tiêu chí.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Sông Hinh khóa VI, kỳ họp thứ 12 (bất thường) thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2007.

Nghị quyết này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân huyện khoá VI thông qua./.

CHỦ TỊCH

Ma Van

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2007/CT-UBND

Tây Hòa, ngày 30 tháng 11 năm 2007

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Tây Hòa

Trong thời gian qua, công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn huyện Tây Hòa có nhiều tiến bộ, một số xã đã thành lập Tổ liên ngành kiểm tra khai thác, chế biến khoáng sản để kiểm tra đã hạn chế việc khai thác đất, đá, cát, sỏi trái phép gây bồi, lở dòng chảy và sạt lở đất trong mùa mưa bão.

Tuy nhiên, trong những ngày gần đây các loại phương tiện cơ giới của nhân dân ở các xã: Hòa Bình 2, Hòa Tân Tây, Hòa Đồng, Hòa Phong, Hòa Phú, Sơn Thành Đông,... đã khai thác, vận chuyển cát ở khu Cồn Cát cao thôn Phước Thịnh, xã Hòa Bình 2; bãi cát thôn Tân Mỹ, xã Hòa Phú là đất lâm nghiệp gần khu dân cư trong khu vực cấm khai thác, gây bất bình trong nhân dân, nếu không ngăn chặn kịp thời sẽ gây ảnh hưởng dòng chảy bồi, lở đất sản xuất của các xã Hòa Phong, xã Hòa Bình 1 và khu quy hoạch thị trấn Phú Thứ.

Thực hiện Luật Khoáng sản năm 1996; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản năm 2005; Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 150/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản và Nghị định số 77/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2007/NĐ-CP.

Để chấn chỉnh, lập lại trật tự trong lĩnh vực khai thác chế biến khoáng sản trên địa bàn huyện Tây Hòa đúng theo các quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện Tây Hòa yêu cầu UBND các xã, các tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn huyện thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Khai thác và chế biến khoáng sản phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc cho phép, cấp phép các hoạt động khoáng sản phải thực hiện đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Điều 56 của Luật sửa đổi, bổ